

Số: 1244/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 04 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính mới; danh mục 02 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1810/TTr-STNMT ngày 02 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mới danh mục 01 thủ tục hành chính và sửa đổi, bổ sung 02 thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước tại Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường bổ sung, điều chỉnh các thủ tục hành chính này vào quy trình nội bộ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP.UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng KSTT, KT, TTPVHCC;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HCT.



Trần Ngọc Tam

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số: 1244/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)



I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH							
Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý		
1	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật tài nguyên nước năm 2012 - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị định số 41/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước 		
II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG							
Số TT	Tên TTHC thay thế	Tên TTHC được thay thế	Số hồ sơ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành	2.001770	45 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước; - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị định số 41/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
2	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	1.004283				

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Thủ tục: Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ:

Chủ giấy phép nộp 02 bộ hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công số 126A Nguyễn Thị Định, khu phố 2, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ, từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày lễ, tết), qua dịch vụ bưu chính, nộp trực tiếp hoặc dịch vụ công trực tuyến (qua địa chỉ <https://dichvucong.bentre.gov.vn>).

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

+ Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ.

Chuyển hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bước 2: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ kèm theo văn bản giải thích rõ lý do.

+ Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền, nếu cần thiết thì thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Kinh phí chi cho hoạt động thẩm định được lấy từ nguồn thu phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác sử dụng tài nguyên nước.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho chủ giấy phép và thông báo rõ lý do; trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện thì Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho chủ giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp công trình đã được phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước mà chỉ có sự thay đổi tên chủ giấy phép (cấp lại) và không có sự thay đổi các căn cứ tính tiền cấp quyền theo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền đã phê duyệt trước đó thì không phải điều chỉnh lại Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền. Trong nội dung giấy phép cấp lại phải quy định rõ việc chủ giấy phép mới phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính, trong đó có tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đã được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền trước đó.

Bước 3: Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Bước 4: Trả kết quả:

Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công để thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả.

- Cách thức thực hiện:

+ **Nộp hồ sơ:** Trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

+ **Trả kết quả giải quyết TTHC:** Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc dịch vụ công trực tuyến (qua địa chỉ <https://dichvucong.bentre.gov.vn>).

- Thành phần hồ sơ:

+ **Bản chính:** Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (theo phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP) với các nội dung chủ yếu sau: chất lượng nguồn nước; loại nguồn nước, điều kiện khai thác, quy mô khai thác, thời gian khai thác, thời gian tính tiền, sản lượng khai thác cho từng mục đích sử dụng, giá tính tiền, mức thu tiền cho từng mục đích sử dụng; tính tiền cho từng mục đích sử dụng, tổng tiền cấp quyền khai thác, phương án nộp tiền cấp quyền khai thác và kèm theo các tài liệu để chứng minh.

+ **Bản sao:** Giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

- Cơ quan thực hiện TTHC:

+ **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ **Cơ quan trực tiếp thực hiện:** Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu kê khai, mẫu quyết định của TTHC: Mẫu kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP).

- Yêu cầu, điều kiện của TTHC: Không.

- Căn cứ pháp lý của TTHC:

+ Luật Tài nguyên nước năm 2012;

+ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

+ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

+ Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

+ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI**TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC****(Kê khai lần đầu hoặc kê khai điều chỉnh)**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

(hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)

I. CÁC THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ chức, cá nhân kê khai:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
5. Chức vụ:
6. Mã số thuế:
7. Tên công trình khai thác:
8. Vị trí, địa chỉ của công trình khai thác nước:
9. Thời gian công trình bắt đầu hoặc dự kiến vận hành:

Trường hợp công trình đã được cấp phép thi kê khai thêm các nội dung cơ bản của giấy phép có liên quan đến việc tính tiền.

Trường hợp điều chỉnh thi kê khai thêm các nội dung có liên quan đến việc đề nghị điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác.

II. THUYẾT MINH CÁC CĂN CỨ VÀ TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC

1. Đối với trường hợp khai thác nước cho mục đích thủy điện:

a) Thuyết minh và kèm theo các tài liệu để chứng minh (nếu có) về các căn cứ để xác định tiền cấp quyền khai thác, gồm:

- Điện lượng trung bình hằng năm.
- Thời gian bắt đầu vận hành hoặc thời gian dự kiến vận hành công trình, thời gian đề nghị cấp phép (hoặc thời gian hiệu lực của giấy phép...) và xác định thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước...

- Giá để tính tiền cấp quyền khai thác cho sản xuất thủy điện.

b) Tính tiền:

Tính toán, xác định tiền cấp quyền khai thác theo công thức quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định này.

2. Đối với trường hợp khai thác nước cho mục đích khác:

a) Thuyết minh và kèm theo các tài liệu để chứng minh (nếu có) về các căn cứ để xác định tiền cấp quyền khai thác:

- Thời gian bắt đầu vận hành hoặc thời gian dự kiến vận hành công trình, thời gian đề nghị cấp phép (hoặc thời gian hiệu lực của giấy phép...) và xác định thời gian tính tiền khai thác tài nguyên nước....

- Loại nguồn nước khai thác, chất lượng nguồn nước khai thác, điều kiện khai thác.

- Các mục đích khai thác, sử dụng nước của công trình; các mục đích khai thác nước phải nộp tiền cấp quyền khai thác.

- Tổng lưu lượng khai thác lớn nhất của công trình theo giấy phép (hoặc lưu lượng khai thác lớn nhất đề nghị cấp phép), chế độ khai thác trong năm của công trình.

- Tính toán xác định tổng sản lượng khai thác của công trình; xác định phần sản lượng không phải nộp tiền, phần sản lượng phải nộp tiền.
- Tính toán, xác định sản lượng khai thác theo từng mục đích sử dụng phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này.
- Xác định các hệ số điều chỉnh theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này.
- Xác định mức thu đối với từng mục đích khai thác, sử dụng phải nộp tiền.
- Xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác cho từng mục đích sử dụng phải nộp tiền kèm theo các văn bản quy định về giá tính thuế tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có công trình khai thác.

b) Tính tiền

- Tính toán, xác định tiền cấp quyền khai thác cho từng mục đích sử dụng nước phải nộp tiền cấp quyền.
- Tổng hợp kết quả tính toán và xác định tổng số tiền cấp quyền khai thác phải nộp. (Đối với trường hợp điều chỉnh thì thuyết minh, tính toán, xác định rõ nhưng nội dung điều chỉnh).

.....
III. PHƯƠNG ÁN NỘP TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC

1. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp: (VNĐ), trong đó được phân ra từng năm như sau:

- Số tiền phải nộp năm đầu tiên:
- Số tiền phải nộp hàng năm tiếp theo:
- Số tiền phải nộp năm cuối cùng:

2. Phương án nộp tiền hằng năm

Một lần/năm Hai lần/năm Một lần cho cả thời gian phê duyệt

Số tiền phải nộp mỗi lần theo phương án nộp tiền: (VNĐ).

(Tên của tổ chức, cá nhân kê khai) cam đoan mọi thông tin, số liệu trong Bản kê khai này và giấy tờ tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên)

2. Thủ tục: Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đồng thời với việc nộp hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước tới Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 126A Nguyễn Thị Định, khu phố 2, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ, từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày lễ, tết), qua dịch vụ bưu chính, nộp trực tiếp hoặc dịch vụ công trực tuyến (qua địa chỉ <https://dichvucong.bentre.gov.vn>).

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

+ Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ.

Chuyên hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bước 2: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ:

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đồng thời với việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước.

Bước 3: Trình phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết định tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Bước 4. Thông báo kết quả:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi đến Trung tâm phục vụ hành chính công để thông báo cho tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả.

- Cách thức thực hiện:

+ *Nộp hồ sơ:* Trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

+ *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc dịch vụ công trực tuyến (qua địa chỉ <https://dichvucong.bentre.gov.vn>).

- Thành phần hồ sơ:

+ **Bản chính:** Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (theo phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP) với các nội dung chủ yếu sau: chất lượng nguồn nước; loại nguồn nước, điều kiện khai thác,

quy mô khai thác, thời gian khai thác, thời gian tính tiền, sản lượng khai thác cho từng mục đích sử dụng, giá tính tiền, mức thu tiền cho từng mục đích sử dụng; tính tiền cho từng mục đích sử dụng, tổng tiền cấp quyền khai thác, phương án nộp tiền cấp quyền khai thác và kèm theo các tài liệu để chứng minh.

- **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ.
- **Thời hạn giải quyết:** 45 ngày làm việc.
- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.
- **Cơ quan thực hiện TTHC:**
 - + **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân tỉnh.
 - + **Cơ quan trực tiếp thực hiện:** Sở Tài nguyên và Môi trường.
- **Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định phê duyệt.
- **Phí, lệ phí:** Không.
- **Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP).
- **Yêu cầu, điều kiện của TTHC:** Không.
- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**
 - + Luật Tài nguyên nước năm 2012;
 - + Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;
 - + Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;
 - + Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;
 - + Thông tư số 85/2019/TT – BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI
TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC
(Kê khai lần đầu hoặc kê khai điều chỉnh)

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
 (hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)

I. CÁC THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ chức, cá nhân kê khai:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
5. Chức vụ:
6. Mã số thuế:
7. Tên công trình khai thác:
8. Vị trí, địa chỉ của công trình khai thác nước:
9. Thời gian công trình bắt đầu hoặc dự kiến vận hành:

Trường hợp công trình đã được cấp phép thi kê khai thêm các nội dung cơ bản của giấy phép có liên quan đến việc tính tiền.

Trường hợp điều chỉnh thì kê khai thêm các nội dung có liên quan đến việc đề nghị điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác.

II. THUYẾT MINH CÁC CĂN CỨ VÀ TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC

1. Đối với trường hợp khai thác nước cho mục đích thủy điện:

a) Thuyết minh và kèm theo các tài liệu để chứng minh (nếu có) về các căn cứ để xác định tiền cấp quyền khai thác, gồm:

- Điện lượng trung bình hằng năm.
- Thời gian bắt đầu vận hành hoặc thời gian dự kiến vận hành công trình, thời gian đề nghị cấp phép (hoặc thời gian hiệu lực của giấy phép...) và xác định thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước...
- Giá để tính tiền cấp quyền khai thác cho sản xuất thủy điện.

b) Tính tiền:

Tính toán, xác định tiền cấp quyền khai thác theo công thức quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định này.

2. Đối với trường hợp khai thác nước cho mục đích khác:

a) Thuyết minh và kèm theo các tài liệu để chứng minh (nếu có) về các căn cứ để xác định tiền cấp quyền khai thác:

- Thời gian bắt đầu vận hành hoặc thời gian dự kiến vận hành công trình, thời gian đề nghị cấp phép (hoặc thời gian hiệu lực của giấy phép...) và xác định thời gian tính quyền khai thác tài nguyên nước....

- Loại nguồn nước khai thác, chất lượng nguồn nước khai thác, điều kiện khai thác.
- Các mục đích khai thác, sử dụng nước của công trình; các mục đích khai thác nước phải nộp tiền cấp quyền khai thác.

- Tổng lưu lượng khai thác lớn nhất của công trình theo giấy phép (hoặc lưu lượng khai thác lớn nhất đề nghị cấp phép), chế độ khai thác trong năm của công trình.

- Tính toán xác định tổng sản lượng khai thác của công trình; xác định phần sản lượng không phải nộp tiền, phần sản lượng phải nộp tiền.

- Tính toán, xác định sản lượng khai thác theo từng mục đích sử dụng phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này.

- Xác định các hệ số điều chỉnh theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

- Xác định mức thu đối với từng mục đích khai thác, sử dụng phải nộp tiền.

- Xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác cho từng mục đích sử dụng phải nộp tiền kèm theo các văn bản quy định về giá tính thuế tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có công trình khai thác.

b) Tính tiền

- Tính toán, xác định tiền cấp quyền khai thác cho từng mục đích sử dụng nước phải nộp tiền cấp quyền.

- Tổng hợp kết quả tính toán và xác định tổng số tiền cấp quyền khai thác phải nộp.

(Đối với trường hợp điều chỉnh thì thuyết minh, tính toán, xác định rõ nhưng nội dung điều chỉnh).

.....
III. PHƯƠNG ÁN NỘP TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC

1. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp: (VNĐ), trong đó được phân ra từng năm như sau:

- Số tiền phải nộp năm đầu tiên:

- Số tiền phải nộp hằng năm tiếp theo:

- Số tiền phải nộp năm cuối cùng:

2. Phương án nộp tiền hằng năm

Một lần/năm Hai lần/năm Một lần cho cả thời gian phê duyệt

Số tiền phải nộp mỗi lần theo phương án nộp tiền: (VNĐ).

(Tên của tổ chức, cá nhân kê khai) cam đoan mọi thông tin, số liệu trong Bản kê khai này và giấy tờ tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

3. Thủ tục: Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ:

Chủ giấy phép nộp bản kê khai tính tiền cấp quyền đồng thời với việc nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép về tài nguyên nước tới Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 126A Nguyễn Thị Định, khu phố 2, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ, từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày lễ, tết), qua dịch vụ bưu chính, nộp trực tiếp hoặc dịch vụ công trực tuyến (qua địa chỉ <https://dichvucong.bentre.gov.vn>).

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

+ Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ.

Chuyển hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bước 2: Kiểm tra, thẩm định:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 12 Nghị định số 82/2017/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 41/2021/NĐ-CP): Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường về thời gian công trình phải ngừng khai thác.

- *Bước 3: Trình phê duyệt quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:*

Khi hồ sơ đảm bảo điều kiện theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Bước 4. Thông báo kết quả:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi đến Trung tâm phục vụ hành chính công để thông báo đến tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả.

- Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ:* Trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- *Trả kết quả giải quyết TTHC:* Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc dịch vụ công trực tuyến (qua địa chỉ <https://dichvucong.bentre.gov.vn>).

- *Thành phần hồ sơ:*

+ Bản chính: Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (theo phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP).

+ Bản chính: Văn bản đề nghị điều chỉnh kèm theo các tài liệu để chứng minh.

- **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

+ **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ **Cơ quan trực tiếp thực hiện:** Sở Tài nguyên và Môi trường.

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định điều chỉnh.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP).

- **Yêu cầu, điều kiện của TTHC:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Tài nguyên nước năm 2012;

+ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

+ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

+ Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

+ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI**TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC****(Kê khai lần đầu hoặc kê khai điều chỉnh)**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

(hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)

I. CÁC THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ chức, cá nhân kê khai:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
5. Chức vụ:
6. Mã số thuế:
7. Tên công trình khai thác:
8. Vị trí, địa chỉ của công trình khai thác nước:
9. Thời gian công trình bắt đầu hoặc dự kiến vận hành:

Trường hợp công trình đã được cấp phép thi kê khai thêm các nội dung cơ bản của giấy phép có liên quan đến việc tính tiền.

Trường hợp điều chỉnh thi kê khai thêm các nội dung có liên quan đến việc đề nghị điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác.

II. THUYẾT MINH CÁC CĂN CỨ VÀ TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC

1. Đối với trường hợp khai thác nước cho mục đích thủy điện:

a) Thuyết minh và kèm theo các tài liệu để chứng minh (nếu có) về các căn cứ để xác định tiền cấp quyền khai thác, gồm:

- Điện lượng trung bình hằng năm.

- Thời gian bắt đầu vận hành hoặc thời gian dự kiến vận hành công trình, thời gian đề nghị cấp phép (hoặc thời gian hiệu lực của giấy phép...) và xác định thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước...

- Giá đề tính tiền cấp quyền khai thác cho sản xuất thủy điện.

b) Tính tiền:

Tính toán, xác định tiền cấp quyền khai thác theo công thức quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định này.

2. Đối với trường hợp khai thác nước cho mục đích khác:

a) Thuyết minh và kèm theo các tài liệu để chứng minh (nếu có) về các căn cứ để xác định tiền cấp quyền khai thác:

- Thời gian bắt đầu vận hành hoặc thời gian dự kiến vận hành công trình, thời gian đề nghị cấp phép (hoặc thời gian hiệu lực của giấy phép...) và xác định thời gian tính tiền khai thác tài nguyên nước....

- Loại nguồn nước khai thác, chất lượng nguồn nước khai thác, điều kiện khai thác.

- Các mục đích khai thác, sử dụng nước của công trình; các mục đích khai thác nước phải nộp tiền cấp quyền khai thác.

- Tổng lưu lượng khai thác lớn nhất của công trình theo giấy phép (hoặc lưu lượng khai thác lớn nhất đề nghị cấp phép), chế độ khai thác trong năm của công trình.

- Tính toán xác định tổng sản lượng khai thác của công trình; xác định phần sản lượng không phải nộp tiền, phần sản lượng phải nộp tiền.

- Tính toán, xác định sản lượng khai thác theo từng mục đích sử dụng phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này.

- Xác định các hệ số điều chỉnh theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

- Xác định mức thu đối với từng mục đích khai thác, sử dụng phải nộp tiền.

- Xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác cho từng mục đích sử dụng phải nộp tiền kèm theo các văn bản quy định về giá tính thuế tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có công trình khai thác.

b) Tính tiền

- Tính toán, xác định tiền cấp quyền khai thác cho từng mục đích sử dụng nước phải nộp tiền cấp quyền.

- Tổng hợp kết quả tính toán và xác định tổng số tiền cấp quyền khai thác phải nộp.

(Đối với trường hợp điều chỉnh thì thuyết minh, tính toán, xác định rõ nhưng nội dung điều chỉnh).

III. PHƯƠNG ÁN NỘP TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC

1. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp: (VNĐ), trong đó được phân ra từng năm như sau:

- Số tiền phải nộp năm đầu tiên:

- Số tiền phải nộp hằng năm tiếp theo:

- Số tiền phải nộp năm cuối cùng:

2. Phương án nộp tiền hằng năm

Một lần/năm Hai lần/năm Một lần cho cả thời gian phê duyệt

- Số tiền phải nộp mỗi lần theo phương án nộp tiền: (VNĐ).

(Tên của tổ chức, cá nhân kê khai) cam đoan mọi thông tin, số liệu trong Bản kê khai này và giấy tờ tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)